

Số: 31 /ĐHLN-KHCN

V/v báo cáo kết quả khoa học công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: - Các đơn vị thuộc, trực thuộc;
- Chủ nhiệm các nhiệm vụ KHCN.

Căn cứ công văn số 2807/BNMT-KHCN ngày 05/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc báo cáo kết quả khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Để có cơ sở xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (ĐMST & CDS) năm 2026 đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 57/NQ-TW và Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 71/NĐ-CP, Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp đề nghị các đơn vị thuộc, trực thuộc báo cáo (theo Đề cương và các Phụ lục được gửi kèm) kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao như sau:

1. Báo cáo đánh giá tổng thể kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN, ĐMST & CDS giai đoạn 2021-2025, đồng thời báo cáo tách riêng phần kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025, ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2025. Nội dung báo cáo phải thể hiện được:

a) Kết quả nổi bật của hoạt động KHCN, ĐMST & CDS thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo:

- Đánh giá kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp: Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, chương trình và nhiệm vụ KHCN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ thường xuyên, các chương trình và nhiệm vụ KHCN khác (nếu có). Báo cáo cần thể hiện rõ kết quả nghiên cứu và ứng dụng, giá trị khoa học về số lượng và chất lượng (Giống được công nhận, quy trình công nghệ, mẫu và bản vẽ thiết kế, số lượng công trình nghiên cứu đã công bố quốc tế và trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp khác được cấp văn bằng bảo hộ....) và giá trị thực tế (doanh thu, lợi nhuận, bảo vệ môi trường, số lượng người được tập huấn, đào tạo do hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mang lại).

- Đánh giá tác động của các kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, cải thiện hiệu quả sản xuất, kinh doanh của ngành, lĩnh vực, địa phương; đóng góp của hoạt động KHCN, ĐMST & CDS trong việc hỗ trợ phục hồi phát triển kinh tế, tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất, sức cạnh tranh.

b) Kết quả hợp tác và hội nhập quốc tế về KHCN, ĐMST & CDS

- Các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về KHCN, ĐMST & CDS và nhiệm vụ KHCN theo Nghị định thư.

- Hoạt động hợp tác với các đối tác trong khu vực và thế giới trong lĩnh vực KHCN & ĐMST; việc thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam đối với các cam kết quốc tế, các tổ chức, diễn đàn hợp tác đa phương mà Việt Nam tham gia.

- Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao công nghệ, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, kết quả hoạt động phát triển công nghệ, hỗ trợ ứng dụng và đổi mới công nghệ trong ngành, lĩnh vực.

c) Kết quả thực hiện công tác thông tin và thống kê KHCN

- Việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KHCN theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 và Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017.

- Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về KHCN theo quy định tại Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017 và Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành KHCN theo quy định tại Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ KHCN quy định chế độ báo cáo thống kê ngành KHCN.

d) Kết quả phát triển doanh nghiệp KHCN, thị trường KHCN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

e) Kết quả thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KH, CN; ĐMST và chuyển đổi số, trong đó đặc biệt chú ý tình hình thực hiện: Cơ chế, chính sách về tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước; cơ chế, chính sách về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KHCN; cơ chế, chính sách và quy định quản lý tài chính liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ KHCN; cơ chế, chính sách về Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp v.v...

f) Nêu rõ những khó khăn, tồn tại, vướng mắc cần khắc phục; đề xuất, kiến nghị cụ thể về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KHCN, ĐMST & CDS; đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KHCN, ĐMST & CDS cho giai đoạn đến năm 2030.

2. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện một số lĩnh vực khác

a) Lĩnh vực Tiêu chuẩn

Báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025 các hoạt động: (i) Xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành và tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; (ii) Đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; (iii) Quản lý đo lường, quản lý phương tiện đo; (iv) Quản lý, áp dụng mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

b) Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ

- Kết quả xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về sở hữu trí tuệ và phát triển tài sản trí tuệ.

- Kết quả triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Tổ chức thực hiện

Các đơn vị có liên quan và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN thực hiện năm 2021 - 2025 báo cáo theo các biểu mẫu cụ thể như sau:

- Phòng Khoa học và công nghệ: hoàn thành các biểu: TK 1-1, TK 1-5, TK 1-6 và là đơn vị đầu mối tổng hợp các biểu mẫu, xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả trình Hiệu trưởng và báo cáo Bộ.

- Phòng Tổ chức Cán bộ: hoàn thành biểu TK1-4; mục IX biểu TK1-5.

- Phòng Quản lý Đầu tư: hoàn thành khoản 3 mục IV biểu TK 1-1.

- Thư viện: hoàn thành khoản 1 và 3 mục V biểu TK1-5.

- Ban Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp: hoàn thành khoản 2.1 mục V biểu TK1-5.

- Các Viện: hoàn thành khoản 4,5,6 mục X biểu TK1-5.

- Chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2021-2025 (theo danh sách): cấp Quốc gia hoàn thành biểu TK1-2 và TK1-3; cấp Bộ, cấp tỉnh hoàn thành biểu TK1-2.

Các đơn vị và chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN hoàn thành các biểu mẫu như phân công ở trên và gửi về Nhà trường thông qua phòng KH&CN chậm **nhất vào ngày 13/6/2025**, bản mềm gửi về địa chỉ email: khcn@vnuf.edu.vn.

Các mẫu biểu có liên quan được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Phòng KH&CN: <http://khcn.vnuf.edu.vn/>. Thông tin chi tiết liên hệ: Ông Lại Hữu Bình, phòng KH&CN, ĐT: 0903.48.48.89.

Nhà trường đề nghị Trưởng các đơn vị có liên quan, các Ông/Bà chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN nghiêm túc thực hiện các nội dung trong công văn này. 

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Bùi Thế Đồi

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
GIAI ĐOẠN 2021-2025; NĂM 2024 VÀ SÁU THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số **311** /ĐHLN-KHCN ngày **09** tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

I. KẾT QUẢ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Nhiệm vụ, chương trình, Đề án theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

2.1. Chương trình và nhiệm vụ KHCN trọng điểm cấp Bộ

2.2. Đề tài, dự án SXTN cấp Bộ

2.3. Nhiệm vụ nguồn gen

2.4. Hoạt động đo lường chất lượng

a) Kết quả thực hiện việc xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành và tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật

b) Kết quả hoạt động đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; kết quả hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường

c) Kết quả hoạt động quản lý đo lường, quản lý phương tiện đo

d) Kết quả thực hiện Quyết định số 100/QĐ-QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc

e) Kết quả thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 -2030 (Quyết định số 1322/QĐ-TTg):

2.5. Về Sở hữu trí tuệ

II. KẾT QUẢ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024 VÀ SÁU THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Nhiệm vụ, chương trình, Đề án theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

2.1. Chương trình và nhiệm vụ KHCN trọng điểm cấp Bộ

2.2. Đề tài, dự án SXTN cấp Bộ

2.3. Nhiệm vụ nguồn gen

2.4. Hoạt động đo lường chất lượng

a) Kết quả thực hiện việc xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành và tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật

b) Kết quả hoạt động đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; kết quả hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường

c) Kết quả hoạt động quản lý đo lường, quản lý phương tiện đo

d) Kết quả thực hiện Quyết định số 100/QĐ-QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc

e) Kết quả thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 -2030 (Quyết định số 1322/QĐ-TTg):

2.5. Về Sở hữu trí tuệ

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Khó khăn, tồn tại

2. Đề xuất giải pháp

Phụ lục
DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU

Biểu TK1-1: Kết quả hoạt động KHCN năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025.

Biểu TK1-2: Kết quả hoạt động KHCN nổi bật 2024 và 06 tháng đầu năm 2025.

Biểu TK1-3: Kết quả Chương trình KHCN cấp quốc gia năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025 (nếu có).

Biểu TK1-4: Nhân lực và tổ chức KHCN.

Biểu TK1-5: Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KHCN.

Biểu TK1-6: Văn bản về KHCN được ban hành.

Biểu TK1-7: Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đối với nhiệm vụ KHCN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
Đơn vị

Biểu TK1-1

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2024 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1				
2				
...				
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KHCN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KHCN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KHCN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương;

				doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
V	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
Đơn vị

Biểu TK1-2

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT GIAI ĐOẠN 2021-2024
VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
1				
2				

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
Đơn vị

Biểu TK1-3

**KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KHCN CẤP QUỐC GIA
NĂM 2024 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 (NẾU CÓ)**

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1					
2					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
Đơn vị

Biểu TK1-4

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KHCN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KHCN/Quyết định phân loại tự chủ tài chính ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2025						Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên từ NSNN năm 2025 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) =(6÷9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập									
1										
2										
...										
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý									
1										
2										
...										
	Tổng số									

¹ Phân loại mức tự chủ tài chính thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Biểu TK1-5

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHCN & ĐMST
NĂM 2024 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
I	Số nhiệm vụ KHCN được triển khai			
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ		
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ		
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ		
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ		
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ		
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HD		
3	Giám định công nghệ	CN		
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín			
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn		
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn		
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới			
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị		
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị		
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị		
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)		
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án		
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng		
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở		
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép		
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ		
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn		
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		

5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA		
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK		
V	Công tác thông tin và thống kê KHCN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KHCN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KHCN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KHCN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KHCN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KHCN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thống kê KHCN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>		
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị		
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc		
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu		
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		

2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ²	Doanh nghiệp		
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KHCN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KHCN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KHCN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KHCN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KHCN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KHCN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KHCN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	Công tác phát triển thị trường KHCN			

² Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

1. Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghệ).
2. Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
3. Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
4. Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KHCN trên thị trường	Tr.đ		
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KHCN	%		
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ương tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Đơn vị

Biểu TK1-6

**VĂN BẢN VỀ KHCN, ĐMST VÀ CDS ĐƯỢC BAN HÀNH
NĂM 2024 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

[illegible]

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
Đơn vị

Biểu TK1-7

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ KHOÁN
ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHCN NĂM 2024 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

Số nhiệm vụ triển khai năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025		
Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần
Cấp Bộ, Tỉnh		
Cấp cơ sở		